

KINH TẾ VĨ MÔ I

CHƯƠNG VI:

TIỀN TỆ VÀ

CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

CHƯƠNG VI: TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

I. Khái quát chung về tiền

1. Khái niệm

*Tiền là **bất cứ thứ gì** được chấp nhận chung trong thanh toán và trao đổi.*

2. Chức năng của tiền

➤ *Phương tiện thanh toán*

➤ *Dự trữ giá trị*

➤ *Đơn vị hạch toán*

3. Đo lường khối lượng tiền

Căn cứ vào *mức độ được chấp nhận thanh toán* (hay khả năng thanh khoản - L: Liquidity) người ta đo lường khối lượng tiền như sau:

➤ M_0

Đối với *nội bộ* một nền kinh tế, đây là loại tiền được chấp nhận cao nhất.

3. Đo lường khối lượng tiền

➤ $M_1 =$

Khả năng thanh khoản của M_1 *thấp hơn* M_0

Trong phạm vi chương trình, người ta sử dụng loại tiền này để *đo lường khối lượng tiền lưu thông trong nền KT.*

3. Đo lường khối lượng tiền

➤ $M_2 =$

cuu duong than cong. com

Trong ba loại tiền kể trên, *khả năng thanh khoản của M_2 là thấp nhất.*

II. Ngân hàng thương mại và hoạt động “tạo tiền” của NHTM

1. Ngân hàng thương mại

NHTM là một trung gian tài chính, kinh doanh tiền tệ, hoạt động dựa trên nghiệp vụ chủ yếu là nhận gửi và cho vay tiền.

cuu duong than cong. com

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

*Hoạt động “tạo tiền” của NHTM được hiểu là hoạt động tạo ra thêm **phương tiện thanh toán** (gồm tiền mặt và tiền séc) cho nền KT thông qua nghiệp vụ của mình.*

Khi huy động được tiền gửi, các NHTM luôn luôn giữ lại một phần khoản này gọi là dự trữ thực tế

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Tỷ lệ dự trữ thực tế, ký hiệu rr (reserve-deposit ratio) hoặc r_a với đặc điểm $0\% < rr (r_a) < 100\%$ hay $0 < rr (r_a) < 1$.

Trong đó:

rrr (reserve requirement ratio) hoặc r_b : tỷ lệ dự trữ bắt buộc

re (excess reserve ratio): tỷ lệ dự trữ dôi dư

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Ví dụ:

Giả sử NHTM huy động được khoản tiền là 1 tỷ đồng, tỷ lệ dự trữ thực tế là $rr = 10\%$. Với điều kiện khoản tiền này *chỉ di chuyển trong hệ thống NHTM* thì việc nhận gửi và cho vay liên tục nhằm giúp khách hàng có tiền séc để thanh toán sẽ tạo ra tổng lượng phương tiện thanh toán bằng tiền séc cho nền KT là bao nhiêu?

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Hệ thống NHTM	Tiền gửi (D)	Dự trữ (R)	Cho vay (ΔD)
NH_1	1		
NH_2			
NH_3			
...			
$NH_{(n+1)}$			

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Ta có: $D = 1 + (1 - rr) + (1 - rr)^2 + \dots + (1 - rr)^n$

cuuduongthancong.com

Vì: $0 < rr < 1$ nên

cuuduongthancong.com

Do vậy:

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

$$R = 1 \cdot rr + (1 - rr)rr + (1 - rr)^2 rr + \dots + (1 - rr)^n rr$$

cuu duong than cong. com

$$\Delta D = (1 - rr) + (1 - rr)^2 + \dots + (1 - rr)^{n+1}$$

cuu duong than cong. com

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Hệ thống NHTM	Tiền gửi (D)	Dự trữ (R)	Cho vay
VCB	1		
BIDV			
ACB			
...			
$NH_{(n+1)}$			

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Ở trên, chúng ta đã giả định rằng tiền gửi chỉ di chuyển trong hệ thống NHTM, vậy điều gì sẽ xảy ra khi một số tiền *rò rỉ* ra ngoài lưu thông?

cuu duong than cong. com

2. Hoạt động “tạo tiền” của NHTM

Giả sử trong bước thứ 2 của quá trình mở rộng tiền gửi, một NHTM cho một cá nhân vay. Họ không để tiền trong tài khoản mà rút ra để chi tiêu. Ví dụ số tiền số tiền rò rỉ là 0,2 tỷ đồng, bây giờ NHTM thứ 2 sẽ chỉ còn cho vay 0,7 tỷ đồng. Khi đó, sự khuếch đại theo tỷ lệ

III. NHTW và hoạt động điều tiết lượng cung tiền của NHTW

1. Chức năng của NHTW (NHNN)

NHTW là NH *duy nhất* của một quốc gia thực hiện các chức năng sau:

- *In tiền, phát hành tiền và điều tiết lượng cung tiền*
- *Ngân hàng của các NHTM*

Cụ thể, NHTW thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Mở tài khoản để lưu giữ các khoản dự trữ và là trung tâm thanh toán cho hệ thống các NHTM,

1. Chức năng của NHTW (NHNN)

- Thực hiện quản lý nhà nước đối với các NHTM
- Cấp tín dụng cho các NHTM, và đóng vai trò là *người cho vay cuối cùng* của các NHTM.

1. Chức năng của NHTW (NHNN)

➤ *Ngân hàng của chính phủ*

- Mở tài khoản lưu giữ các khoản dự trữ quốc gia, các khoản cho vay và đi vay cấp CP.
- Giúp CP hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, đồng thời hỗ trợ chính sách tài khóa khi cần thiết (tạm ứng cho NSNN)

2. Hoạt động điều tiết lượng cung tiền của NHTW

a. Xác định lượng cung tiền

➤ *Khái niệm:*

Lượng cung tiền (Money Supply: MS) là tổng khối lượng PTTT bằng tiền mặt và tiền séc hiện có trong nền KT.

➤ *Cách xác định:*

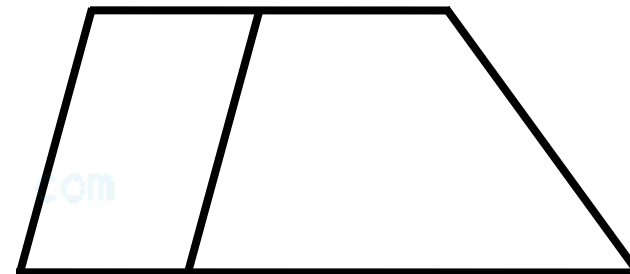
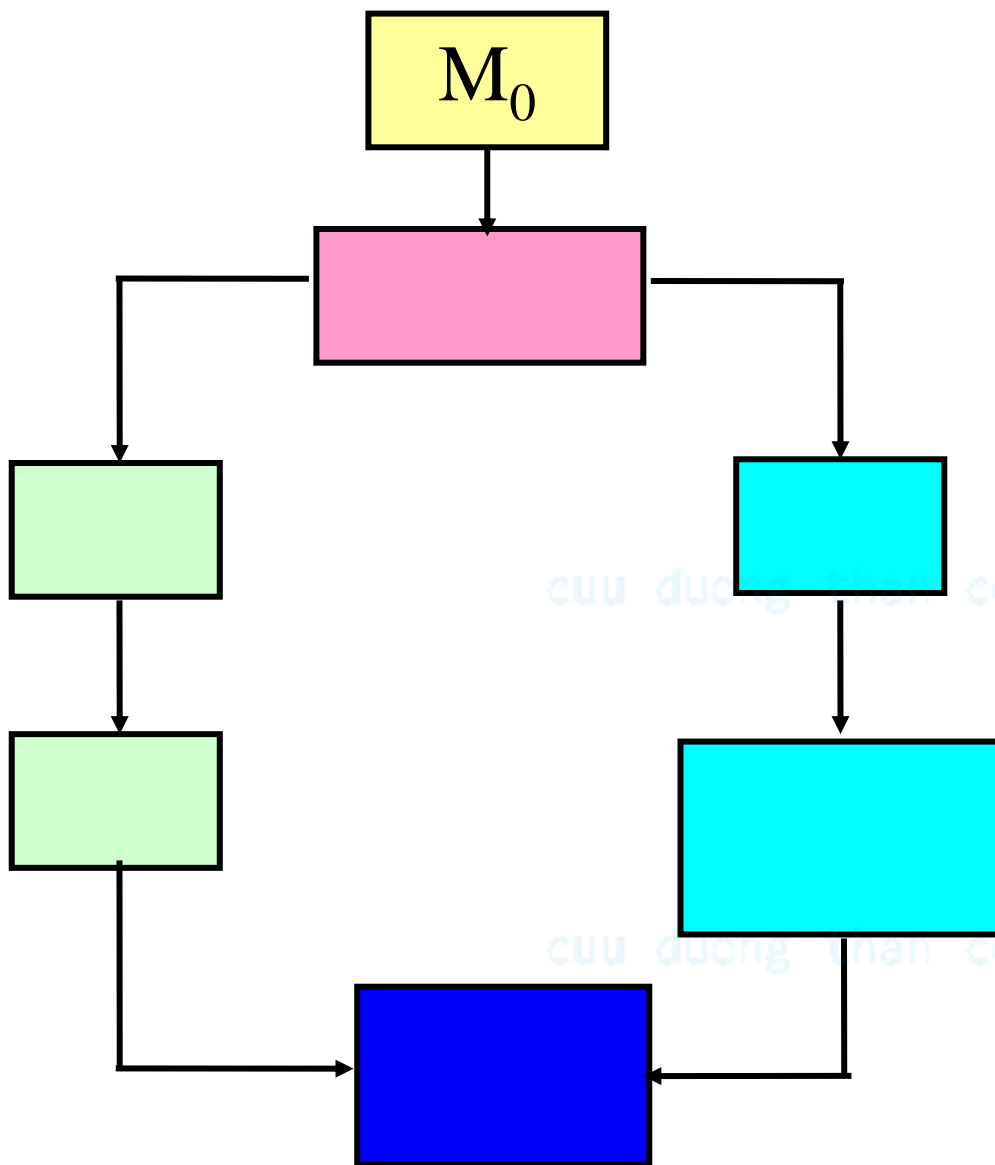
Giả sử NHTW in ra một lượng tiền là M_0 và phát hành một lượng gọi là tiền cơ sở (Monetary Base: B) hay tiền mạnh (High - Powered Money: H_0).

a. Xác định lượng cung tiền

Lượng tiền NHTW phát hành sẽ được phân phối như sau:

- ✓ *Tiền mặt ngoài hệ thống NH (Currency outside banks: Cu hoặc U)*
- ✓ *Tiền nằm tại các NHTM (Reserve: R)*

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)



a. Xác định lượng cung tiền

Lượng cung tiền *lớn hơn nhiều* so với lượng tiền cơ sở nhờ hoạt động tạo ra “tiền” của các NHTM ($MS > H_0(B)$)

a. Xác định lượng cung tiền

Tỷ lệ tiền mặt ngoài NH so với tiền gửi, ký hiệu là cr :

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

Suy ra:

cuu duong than cong. com

Nhớ lại phần trước:

a. Xác định lượng cung tiền

Ta có: $\frac{MS}{H_0(B)} =$

cuuduongthancong.com

Suy ra:

cuuduongthancong.com

a. Xác định lượng cung tiền

Trong đó:

được gọi là *số nhân cung tiền* (Money multiplier).

Nhận xét:

- ✓ $m_M > 1$ (vì $0 < rr < 1$): Khi m_M không đổi nếu lượng tiền cơ sở thay đổi thì lượng cung tiền sẽ

a. Xác định lượng cung tiền

- ✓ Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi:

$rr \uparrow \rightarrow$

$cr \uparrow \rightarrow$

b. Công cụ điều tiết lượng cung tiền

➤ *Nghiệp vụ thị trường mở (Open Market Operation: OMO)*

Đây là nghiệp vụ **NHTW** áp dụng nhằm điều chỉnh lượng cung tiền thông qua hoạt động *mua vào hoặc bán ra trái phiếu CP*.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

b. Công cụ điều tiết lượng cung tiền

Chú ý:

Cần phân biệt việc mua, bán TPCP của NHTW với việc mua, bán công trái hoặc TPCP của CP.

cuu duong than cong. com

b. Công cụ điều tiết lượng cung tiền

➤ *Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc (rrr)*

Chúng ta nhớ lại là $rr = rrr + re$

Khi NHTW thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ làm thay đổi số nhân cung tiền m_M và MS .

cuu duong than cong. com

b. Công cụ điều tiết lượng cung tiền

➤ *Quy định lãi suất chiết khấu (Discount rate: i_d)*

Lãi suất chiết khấu là lãi suất mà NHTW yêu cầu NHTM trả khi NHTM vay tiền của NHTW.

IV. Thị trường tiền tệ

1. Cầu tiền (Money Demand: MD)

a. Khái niệm

Cầu tiền là tổng khối lượng phương tiện thanh toán (tiền mặt và tiền séc) mà các tác nhân trong nền KT cần, tương ứng với mỗi mức lãi suất còn các yếu tố KT khác cho trước.

**** Có 3 động cơ cho việc giữ tiền:***

1. Cầu tiền (Money Demand: MD)

- ✓ *Giao dịch*
- ✓ *Dự phòng*
- ✓ *Đầu cơ*

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

1. Cầu tiền (Money Demand: MD)

b. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu tiền

➤ *Mức giá chung P*

Khi $P \uparrow$

cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

b. Các yếu tố ảnh hưởng đến MD

➤ *Lãi suất*

Lãi suất là chi phí của việc nắm giữ tiền.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

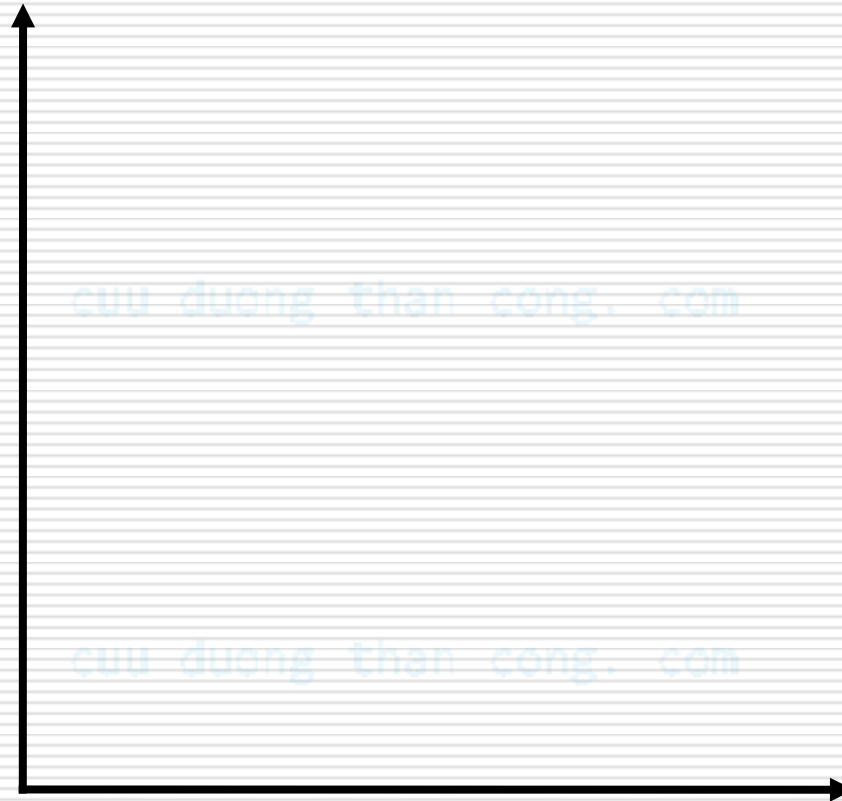
1. Cầu tiền (Money Demand: MD)

➤ *Thu nhập*

c. Đồ thị đường cầu tiền

Đồ thị đường MD mô tả mối quan hệ giữa lượng cầu về tiền và lãi suất.

c. Đồ thị đường cầu tiền

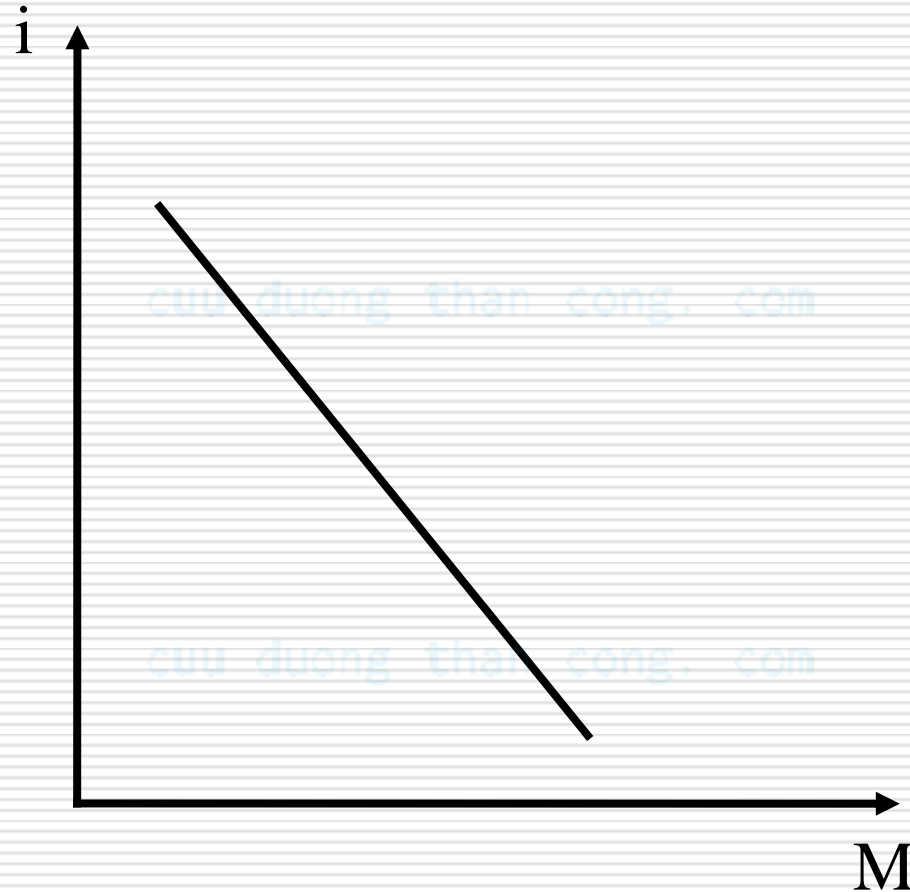


c. Đồ thị đường cầu tiền

Nhận xét:

- ✓ Khi *lãi suất i thay đổi*, các yếu tố KT khác không đổi thì có sự
- ✓ Khi *lãi suất không thay đổi* nhưng các yếu tố KT khác thay đổi thì đường MD

Sự dịch chuyển đường cầu tiền



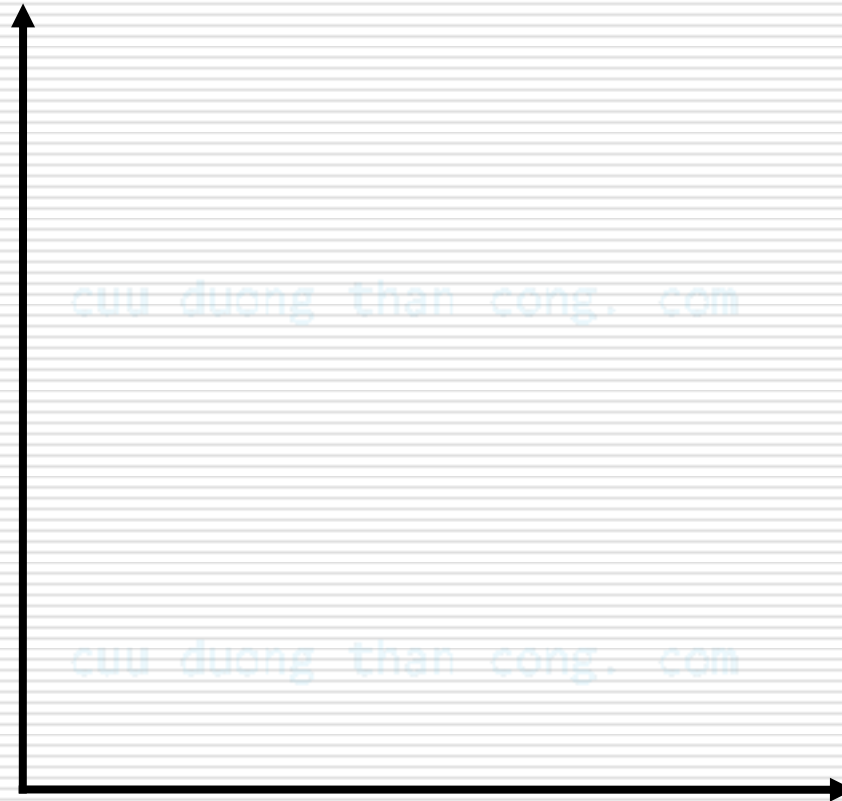
2. Cung tiền (Money Supply: MS)

*MS là một đường **thẳng đứng** trong đồ thị mô tả mối quan hệ giữa lãi suất và lượng cung tiền.*

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2. Cung tiền (Money Supply: MS)



3. Cân bằng trên thị trường tiền tệ



V. Chính sách tiền tệ

Chính sách tiền tệ (Monetary Policy) là việc NHTW sử dụng các công cụ tác động vào thị trường tiền tệ, qua đó tác động đến tổng cầu và SL.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

1. Chính sách tiền tệ mở rộng

a. Khái niệm:

*CSTT mở rộng (lỏng) là việc NHTW sử dụng các công cụ nhằm **tăng lượng cung tiền**.*

cuu duong than cong. com

1. Chính sách tiền tệ mở rộng



1. Chính sách tiền tệ mở rộng

cuu duong than cong. com

b. Điều kiện áp dụng

cuu duong than cong. com

1. Chính sách tiền tệ mở rộng



2. Chính sách tiền tệ thắt chặt

a. Khái niệm

CSTT thắt chặt là việc NHTW sử dụng các công cụ nhằm cắt giảm lượng cung tiền MS.

cuu duong than cong. com

2. Chính sách tiền tệ thắt chặt



2. Chính sách tiền tệ thắt chặt

cuu duong than cong. com

b. Điều kiện áp dụng

cuu duong than cong. com

2. Chính sách tiền tệ thắt chặt



3. Các yếu tố quyết định hiệu quả của CSTT

Có 3 nhân tố cơ bản quyết định SL thay đổi bao nhiêu khi MS thay đổi:

a. Độ nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất (hay độ dốc của đường MD)

Tăng cung tiền sẽ *có hiệu quả* trong việc tăng SL khi

3. Các yếu tố quyết định hiệu quả của CSTT



3. Các yếu tố quyết định hiệu quả của CSTT

b. Độ nhạy cảm của đầu tư với lãi suất (độ dốc của đường đầu tư)

Tăng cung tiền sẽ *có hiệu quả* trong việc tăng SL khi

cuu duong than cong. com

3. Các yếu tố quyết định hiệu quả của CSTT



3. Các yếu tố quyết định hiệu quả của chính sách tiền tệ

c. Độ lớn (hay khả năng khuyếch đại) của số nhân chi tiêu.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com